

Xã: Xá Núa Ngam
Tỉnh: Điện Biên

THỐNG KÊ THANH THIẾU NIÊN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ Mẫu: THCS-01-TTN
Thời điểm: Ngày 28 Tháng 9 Năm 2025

Năm sinh		1	2014		2013		2012		2011		2010		2009		2008		2007		2006		Tổng (15-18)				
Độ tuổi		2	11		12		13		14		15		16		17		18		19		819				
Tổng số		3	256		267		246		250		242		208		179		190		190		819				
Nữ		4	119		123		118		121		104		91		94		97		97		386				
Dân tộc		5	235		246		216		230		218		190		170		174		174		752				
Khuyết tật	Tổng số	6	3		3		3		5		3		5		2		3		3		13				
	Có khả năng	7	1		1		2		1		1				1		1		1		3				
	Tiếp cận GD	8	1		1		2		1		1				1						2				
Số phải phổ cập		9	253		264		243		245		239		203		177		187		187		806				
		10	PT TX		PT TX		PT TX		PT TX		PT TX		GDNN PT TX		GDNN PT TX		GDNN PT TX		GDNN PT TX						
Đã và đang học THCS	Lớp 6	Số PPC	Tại chỗ	11	116		4		1																
			Đi học nơi khác	12	130		1				1														
		Nơi khác đến	13	4		1																			
	Lớp 7	Số PPC	Tại chỗ	14			116		3		1														
			Đi học nơi khác	15			142		3																
		Nơi khác đến	16			5																			
	Lớp 8	Số PPC	Tại chỗ	17					118		2														
			Đi học nơi khác	18					116		1														
		Nơi khác đến	19					4		1															
	Lớp 9	Số PPC	Tại chỗ	20							121														
			Đi học nơi khác	21							107		4		1						5				
		Nơi khác đến	22							4															
TNTHCS	Số PPC	Tại chỗ	23									209		186		158		174		727					
		Đi học nơi khác	24																						
	Nơi khác đến	25																							
Đã và đang học CT GDPT hoặc	Số PPC	Tại chỗ	26									163		39		133		11		89		38	101	33	607
		Đi học nơi khác	27																						
	Nơi khác đến	28																							
Bỏ học và học khác	Số PPC	Tại chỗ	29					2		12		33				58		50		53					194
		Đi học nơi khác	30																						
	Nơi khác đến	31																							
Tiêu chí				SL		TL																			
Bảo đảm tiêu chuẩn PCGDTH mức độ				3																					
Bảo đảm tiêu chuẩn XMC mức độ				2																					
TTN 15-18 TNTHCS				727		90,2																			
TTN 15-18 đã, đang học CT GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN				607		75,3																			
TTN KT được tiếp cận GD				7		87,5																			
Tổng số học sinh				1811																					

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nửa Ngam, ngày 28 tháng 9 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

P.CHỦ TỊCH

(Kí, họ tên và đóng dấu UBND)

XÃ NỬA NGAM TỈNH

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Tiên

Núa Ngam, ngày 28 tháng 9 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

P. CHỦ TỊCH

(Kí, họ tên và đóng dấu UBND)



BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC

Thời điểm: Tháng 9 năm 2025

Độ tuổi	Năm sinh	Tổng số đối tượng trong độ tuổi	Nữ	Khuyết tật	Chuyển đi, chết	Số chuyển đến	Tổng số đối tượng PPC bậc TrH	Tốt nghiệp THCS bao gồm		Đang học, học xong THPT				Đang học, học xong BT THPT				Đang học, học xong THCS, TDN					Bỏ học các lớp ở cấp			Đang học TH, THCS (2 hệ)	Học xong các lớp			Trượt tốt nghiệp (2 hệ)		Chưa học												
								Năm qua	Các năm trước	Lớp 10 bao gồm		Lớp 11	Lớp 12	Đã TN		Lớp 10 bao gồm		Lớp 11	Lớp 12	Đã TN		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 3,5		Năm 4	Đã TN		TH	THCS		THPT	1,2,3,4(2 hệ)	6,7,8(2 hệ)	10,11(2 hệ)	TH	THCS	THPT					
										TN THCS S năm qua	TN THCS S các năm trước			Năm qua	Năm trước	TN THCS năm qua	TN THCS các năm trước			Năm qua	Năm trước							Năm qua	Năm trước										Năm qua	Năm trước	các năm trước	các năm trước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41				
14	2011	250	121	5		2	245																							12		233												
15	2010	242	104	3		1	239	209		163												39								26	7	4												
16	2009	208	91	5		1	203	2	184			133										3	8							16	42	1												
17	2008	179	94	2			177		158			3	86										2	36						21	29													
T.số 15-17		629	289	10		2	619	211	342	163		136	86									42	10	36					63	78	5													
18	2007	190	97	3			187		174			1	3	97													33			13	40													
19	2006	200	89	3			197		181					2	101									26					16	52														
20	2005	181	74	3		1	178		165						100													16	12	50														
21	2004	204	108	7	1		197		175						98							1								19	68													
T.số 18-21		775	368	16	1	1	759		695			1	3	99	299							1			26		33		27	60	210													

Tính các chỉ tiêu (theo tiêu chuẩn đánh giá)	Tỉ số	Tỷ lệ (%)
- Tỷ lệ % HS tốt nghiệp THCS vào học lớp 10:	204/211	96,7
- Tỷ lệ % HS TN THPT (2 hệ) năm học (vừa qua):	99/99	100
- Tỷ lệ % thanh thiếu niên (18-21) tuổi TN THPT:	426/759	56,1

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Thu

Ngày 28 tháng 9 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

P. CHỦ TỊCH



Cao Văn Toàn